



kōng tán

空谈

noun · empty talk; idle chatter

Example Sentences

Kōng tán méi yǒu yòng yào xíng dòng

空谈没有用，要行动。

Empty talk is useless; we need action.

Tā men zhǐ huì kōng tán cóng bù zuò shì

他们只会空谈，从不做事。

They only engage in idle chatter and never do anything.

Trace each character, then write the word on your own.

空	空	空	空	空	空	空	空	空	空	空
谈	谈	谈	谈	谈	谈	谈	谈	谈	谈	谈
谈	谈									